

Bản án số: 72/2024/HSST
Ngày 12/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Quốc

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2024/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2024/QĐST – HS, ngày 21 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/01/1985; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (chết) và bà Trần Thị Đ; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Có 03 tiền án chưa được xoá án tích: Vào ngày 08/10/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo bản án số 190/HSST, ngày 10/8/2001, đến ngày 30/6/2006 đã chấp hành xong hình phạt; Ngày 31/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt theo bản án số 29/HSST, ngày 31/7/2008; Ngày 25/7/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xử phạt 12 năm tù về tội “Hiếp dâm” theo bản án số 78 /2011/HSPT ngày 25/7/2011. Đến ngày 15/6/2022 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/4/2024, đến ngày 10/6/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn chuyển sang tạm giam cho đến nay.

Bị cáo tạm giam có mặt.

2. **Người bị hại:** Anh Diệp Văn T1, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp D, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 01/12/2023, Nguyễn Thanh T mượn vỏ máy (vỏ Composite, máy honda) của Nguyễn Văn Q (trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang) điều khiển chạy từ nhà của T (thuộc ấp H, xã H, huyện G) đến nhà của anh Nguyễn Văn C (thuộc ấp V, xã N, huyện G) nhậu. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 02/12/2023, T điều khiển vỏ máy chạy về nhà. Trên đường về T phát hiện chiếc xuồng (loại xuồng ca nô) màu xanh, nhãn hiệu Hiếu Toàn dài 3,5 m trên bờ trước sân nhà anh Diệp Văn T1 thuộc ấp D, xã N. Đầu chiếc xuồng quay lên phía trên nhà, đuôi xuồng quay xuống sông cách mé sông khoảng 50 cm. Do T không có phương tiện đi lại nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xuồng về sử dụng, với hành vi T điều khiển vỏ máy tiến lại chiếc xuồng, kiểm tra thấy không cột dây, cũng không khóa, không có người trông giữ nên T kéo chiếc xuồng xuống sông, cột vào bên hông vỏ và chạy về nhà của T cất giấu. Khoảng 03 ngày sau, T đem xuồng bán cho Nguyễn Thanh M (anh ruột của T) với giá 1.000.000 đồng. Tá nói xuồng do T lượm được ở Kênh A thước cách nhà Chứng khoảng 01 km thuộc ấp D, xã N. Mãi đồng ý mua nhưng chưa trả tiền cho T. Đến ngày 20/12/2023, Diệp Văn T1 tình cờ phát hiện chiếc xuồng dưới sông trước nhà ông M. Tỏ nhận ra chiếc xuồng là xuồng của mình bị mất trộm vào ngày 02/12/2023 nên trình báo Công an. Qua làm việc Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Vật chứng trong vụ án: Một chiếc xuồng (loại Ca nô) màu xanh, nhãn hiệu Hiếu T2, dài 3,5m đã qua sử dụng.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/TĐG-CT/HĐĐG ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Giá trị tài sản vào thời điểm xảy ra vụ án là: 2.580.000 đồng.

*** Xử lý vật chứng:**

Ngày 08/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ và trao trả cho (chủ sở hữu) là ông Diệp Văn T1, sinh năm 1978, trú tại ấp D, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang: 01 (một) chiếc xuồng (loại Ca nô) màu xanh, nhãn hiệu Hiếu T2, dài 3,5m đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Diệp Văn T1 đã nhận được tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 73/CT- VKS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản bị mất cho người bị hại.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại số tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị miễn xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị miễn nộp.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thanh T có 03 tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Vào khoảng 17 giờ, ngày 01/12/2023 bị cáo lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác trong quản lý tài sản của ông Diệp Văn T1, bị cáo đã lén lút lấy trộm chiếc xuồng đem về nhà cất dấu. Sau đó, bán cho anh Nguyễn Thanh M thì bị phát hiện và bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên Tòa cho thấy phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G đã thu thập được. Tài sản bị cáo trộm cắp theo kết quả định giá là 2.580.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối chiếu hành vi trên của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo

quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản tính chây lười lao động, muốn hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản và 02 tiền án về tội xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm của con người, sau khi ra tù bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điều luật mà Viện kiểm sát đã viện dẫn, thể hiện ý thức xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm thể hiện tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội và cũng đảm bảo tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

{3.1} Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

{3.2} Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, trình độ nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu cho nên khi lượng hình sẽ xem xét.

{3.3} Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho người bị hại.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 qui định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 10/6/2024.
3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo
4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.
5. Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Bị cáo được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2024). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra;
- CQ Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên